



NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX

về phát triển công nghiệp tỉnh Yên Bái theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường giai đoạn 2021-2025.

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, ngành công nghiệp Yên Bái đã có bước phát triển quan trọng; chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá, cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm dần tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng. Trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, công nghiệp dần trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh có quy mô sản xuất lớn, chất lượng ổn định, tạo được thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước. Cùng với đó, công tác xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất được chú trọng, giảm thiểu các tác động tiêu cực của sản xuất công nghiệp đến môi trường.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành công nghiệp Yên Bái vẫn còn những hạn chế, bất cập, như: Công nghiệp chưa có sự bứt phá mạnh mẽ, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện chưa đạt so với yêu cầu đề ra; cơ cấu lại ngành công nghiệp còn chậm và chưa rõ nét; công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển; giá trị sản xuất công nghiệp đạt thấp, chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu phục vụ cho xuất khẩu. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, dây chuyền công nghệ sản xuất chậm được đổi mới; một số dự án triển khai chậm tiến độ. Phát triển nghề, làng nghề chưa thật sự bền vững; chất lượng sản phẩm nhìn chung còn thấp, mẫu mã đơn giản và chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội tỉnh.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là: Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông còn bất cập, thiếu đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu thợ tay nghề cao; cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư vào phát triển công nghiệp chưa phát huy được hiệu quả, việc huy động, bố trí các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến thiếu mặt bằng sạch để thu hút đầu tư; chưa tạo ra được nhiều chuỗi liên kết sản xuất, gia tăng giá trị các sản phẩm công nghiệp của tỉnh...

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1- Quan điểm chỉ đạo

Phát triển ngành công nghiệp tỉnh Yên Bái theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện với môi trường, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành công nghiệp cả nước, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, như: Chế biến nông lâm sản, gắn với vùng nguyên liệu, trọng tâm là chế biến gỗ rừng trồng công nghệ cao, đưa Yên Bái trở thành trung tâm chế biến lâm sản của vùng; khai thác và chế biến sâu khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ; đồng thời, phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương như dệt may, da giày. Ưu tiên lựa chọn các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường, công nghiệp sạch, công nghệ sinh học. Tiếp tục hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề gắn với chế biến, tiêu thụ nông lâm sản, nâng cao giá trị sản phẩm, tạo việc làm và thu nhập cho lao động tại chỗ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, trên cơ sở xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa ngành công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan như: Thương mại, vận tải, logistics, xuất nhập khẩu..., đáp ứng nhu cầu về cung ứng nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá đầu ra.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu tổng quát:

Duy trì tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp nhanh, bền vững; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp, phát triển các sản phẩm có thể mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; đưa công nghiệp thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; đến 2025 đóng góp của ngành công nghiệp chiếm khoảng 25% GRDP toàn tỉnh, là khu vực đóng góp nguồn thu quan trọng, chủ lực của ngân sách địa phương.

2.2- Mục tiêu cụ thể:

(1) Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2025 đạt 20.000 tỷ đồng (giá so sánh 2010); chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 9%/năm.

(2) Cơ cấu công nghiệp khai khoáng chiếm 5,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 80,12%; sản xuất, phân phối điện, nước chiếm 13,68%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải chiếm 0,60%.

(3) Huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo mặt bằng sạch để thu hút đầu tư; trước hết, tập trung đầu tư cho khu công nghiệp phía Nam, khu công nghiệp Âu Lâu, các cụm công nghiệp: Minh Quân, Bảo Hưng, Yên Thế, Âu Lâu, Thịnh Hưng; phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp phía Nam đạt 100%, khu công nghiệp Minh Quân và khu công nghiệp Âu Lâu đạt 70%, tại các cụm công nghiệp bình quân đạt 60%. Quy hoạch và thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp với quy mô khoảng 2.000 ha bên hữu ngạn sông Hồng, kết nối với nút giao IC12, IC13, IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

(4) Đầu tư đồng bộ và hoàn thiện hạ tầng lưới điện, phấn đấu đến năm 2025 cấp điện từ lưới quốc gia hoặc các loại hình khác (như: điện mặt trời, điện sinh khối, điện tích năng, thủy điện nhỏ...) đến 100% số thôn, bản và 99% số hộ dân trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành xây dựng mới và cải tạo nâng cấp các trạm truyền tải 500kV, 220kV, 110kV, đảm bảo truyền tải hết sản lượng điện sản xuất trên địa bàn, đáp ứng đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống, sản xuất của người dân.

(5) Xây dựng một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh trong khu vực. Đưa Yên Bái trở thành trung tâm chế biến gỗ rừng trồng công nghệ cao của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

(6) Tỷ lệ cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển công nghiệp

Các cấp ủy, tổ chức Đảng tăng cường quán triệt định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Nghị quyết của Tỉnh ủy. Lãnh đạo, chỉ đạo và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm đối với việc tham gia, đầu tư, phát triển công nghiệp trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng về phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường các hoạt động tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của sản xuất công nghiệp và những định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương, của tỉnh, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong tổ chức thực hiện.

1.2- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp

Tiếp tục rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở cho việc thu hút đầu tư và quản lý phát triển công nghiệp. Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp của tỉnh, ưu tiên chính sách thu hút đầu tư các dự án công nghiệp công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác thẩm định, lựa chọn dự án, cấp phép đầu tư; phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng quy hoạch và các quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai, nguyên liệu, điện, nước, lao động; hỗ trợ các thủ tục liên quan đến chứng nhận chất lượng, bảo hộ sở hữu trí tuệ, tiêu thụ sản phẩm, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, kê khai hải quan, thuế... Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, giúp các doanh nghiệp nắm vững, chủ động phát triển sản xuất kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường mối liên kết giữa công nghiệp với nông nghiệp, phát triển các vùng nguyên liệu nông lâm sản tập trung, quy mô lớn phục vụ cho công nghiệp chế biến; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông hiện đại, đồng bộ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến gắn với đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý đối với các dự án vi phạm quy định của pháp luật nhất là các quy định về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động.

2- Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng logistics

Tăng cường thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu các khu, cụm công nghiệp hiện có, bao gồm các khu công nghiệp: Phía Nam, Âu Lâu, Minh Quân và các cụm công nghiệp: Âu Lâu, Minh Quân, Bảo Hưng, Yên Thế, Thịnh Hưng, phía Tây cầu Mậu A, Sơn Thịnh, Báo Đáp, Đông An. Quy hoạch và thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng một số khu, cụm công nghiệp với quy mô khoảng 2.000 ha bên hữu ngạn sông Hồng, kết nối với nút giao IC12, IC13, IC14 cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường trong các khu, cụm công nghiệp; đầu tư các dự án logistics, dịch vụ hỗ trợ (kho bãi, bảo quản, sửa chữa, dịch vụ hải quan, thuế...) theo hướng liên thông, thuận lợi.

3- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghiệp

Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nhân lực chất lượng cao, có kiến thức, kỹ năng tốt và trách nhiệm nghề nghiệp cao; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực theo hướng tăng cường ứng dụng, thực hành; đa dạng hóa các hình thức đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề đạt chuẩn quốc gia, từng bước tiếp cận với trình độ khu vực và thế giới.

Có cơ chế tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia tích cực vào công tác đào tạo nhân lực; chú trọng chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Triển khai thực hiện chính sách về nhà ở xã hội và các công trình phúc lợi cho người lao động tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

4- Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo từng lĩnh vực

4.1- Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản

Cơ cấu lại trên cơ sở gắn kết vùng nguyên liệu với nhà máy, cơ sở chế biến, xây dựng thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao trong sản xuất, chế biến theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm; tăng cường liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Ưu tiên thu hút một số dự án có quy mô vừa và lớn, chủ lực trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm sau gỗ dán, gỗ ghép thanh, gỗ ván ép như: đồ gỗ nội thất, dân dụng, gỗ lắp ráp; các sản phẩm sau tinh bột sắn, tinh dầu quế, măng tre, tơ tằm, chè cao cấp; các sản phẩm thực phẩm, thủy sản; chế biến rau quả, phát huy lợi thế của từng địa phương, phù hợp với mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn.

Tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm có thể mạnh của tỉnh như: sản phẩm gỗ, chè, quế, quả có múi, măng tre Bát độ, tơ tằm, sơn tra, dược liệu, thủy sản... Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia chế biến nông, lâm sản, thực phẩm ở vùng cao.

4.2- Ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng

Tăng cường đầu tư chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm, thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường; rà soát, thu hồi các dự án đầu tư không triển khai hoặc chậm tiến độ theo quy định của pháp luật; giảm dần, tiến tới chấm dứt cấp phép đầu tư đối với các dự án khai thác, tiêu thụ sản phẩm thô. Tiếp tục khảo sát, thăm dò, đánh giá trữ lượng các mỏ khoáng sản để quy hoạch, đưa vào khai thác và chế biến trong giai đoạn tới. Tập trung phát triển một số sản phẩm có tiềm năng, sản lượng lớn, giá trị cao tạo bước đột phá như: Đá vôi trắng, Kaolin, Felspat, Grafit, đất hiếm, chì kẽm, đồng...

Chấm dứt hoạt động của các lò gạch thủ công, lò vòng; giảm dần tỷ trọng gạch đất sét nung, tăng cường đầu tư sản xuất gạch không nung tiêu chuẩn. Thu hút đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng công nghệ cao như: Đá ốp lát nhân tạo, sơn, vật liệu composite, gạch chịu lửa, gạch xây xộp, ngói màu, tấm lợp tôn xộp, ống nhựa, tấm nhựa, ống kẽm, sơn công nghiệp, sứ điện cao cấp và các sản phẩm cao cấp khác.

4.3- Ngành công nghiệp sản xuất điện, truyền tải điện

Phát triển công nghiệp sản xuất điện theo hướng khuyến khích đầu tư các dự án sản xuất điện mới, sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện khí sinh học). Chỉ xem xét, chấp thuận cho khảo sát, nghiên cứu đầu tư các dự án thủy điện nhỏ có quy mô công suất từ 10MW trở lên đảm bảo không tác động lớn đến đời sống, sản xuất của nhân dân, không ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, không sử dụng đất rừng tự nhiên và có hiệu quả kinh tế cao.

Phát huy công suất của các nhà máy thủy điện đã hoàn thành, tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư và các dự án đã được chấp thuận khảo sát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường.

Đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải điện bảo đảm chất lượng điện phục vụ cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời giải tỏa hết công suất cho các nhà máy sản xuất điện; phát triển các nguồn năng lượng tái tạo để cấp điện cho các hộ dân ở những khu vực mà việc đầu tư lưới điện quốc gia gặp nhiều khó khăn, suất đầu tư lớn.

4.4- Ngành công nghiệp cung cấp nước, xử lý rác thải

Đầu tư nâng công suất, chất lượng nước của nhà máy nước Yên Bái, mở rộng hoạt động và nâng cấp các hệ thống cấp nước sạch hiện có tại các huyện, thị xã đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị thu gom, xử lý, tái chế rác thải; thu hút đầu tư các nhà máy xử lý, tái chế rác thải công nghệ mới, hiện đại, thân thiện với môi trường.

4.5- Ngành công nghiệp chế tạo, lắp ráp, sửa chữa cơ khí; điện tử; công nghiệp hỗ trợ

Cơ cấu lại, mở rộng quy mô sản xuất các cơ sở sản xuất cơ khí, dịch vụ sửa chữa, thay thế, bảo dưỡng, bảo trì... Từng bước hình thành rõ nét ngành công nghiệp phụ trợ. Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ, sản xuất trên dây chuyền máy móc thiết, bị hiện đại, tự động hoá cao như: sản xuất các chi tiết, linh kiện, phụ tùng thay thế; sản xuất thiết bị điện, điện tử; các chi tiết tiêu chuẩn, khuôn mẫu chính xác, vật liệu cắt gọt và gia công áp lực; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản, khoáng sản, năng lượng, các sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp cả nước.

4.6- Ngành công nghiệp dệt may, da giày, hoá chất, dược phẩm

Hỗ trợ việc tuyển dụng lao động, khai thác tối đa công suất 06 dự án may đã hoàn thành, sản xuất trên 24 triệu sản phẩm/năm. Thu hút đầu tư mới các nhà máy dệt công suất từ 2.000 tấn sản phẩm/năm trở lên; các dự án sản xuất giày da, giày vải, túi ví phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

Khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm như: Sơn, nhựa, hạt nhựa, cao su... Tiếp tục nâng cao chất lượng và sản lượng các sản phẩm thuốc viên các loại, bao bì PP với công nghệ tiên tiến hiện đại.

4.7- Ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, phát triển công nghiệp nông thôn

Bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống; phát triển sản phẩm dệt, may thổ cẩm truyền thống phục vụ du lịch và tiêu dùng của nhân dân. Phát triển một số làng nghề tiểu thủ công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương theo hướng tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống hiện có (như: Sản xuất miến đao, dệt thổ cẩm, tranh đá quý, đồ gỗ mỹ nghệ, tạc tượng, đá cảnh...).

Hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ từ nguyên liệu đá trắng, đá cảnh, gỗ, các sản phẩm thêu, dệt, đan lát... tạo ra sản lượng hàng hóa lớn để xuất khẩu và phục vụ khách du lịch, gắn với thực hiện Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2030”, thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn.

Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ phát triển mới, nâng cấp các cơ sở sản xuất công nghiệp ở khu vực nông thôn gắn với thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tập trung vào chế biến nông, lâm, thủy sản, phát triển các ngành nghề có lợi thế ở từng địa phương.

4.8- Phát triển một số sản phẩm khác

Trên cơ sở nhu cầu của các nhà đầu tư, thị trường và tiềm năng sẵn có, phù hợp với quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch của tỉnh và quy định của pháp luật để thu hút đầu tư, phát triển các sản phẩm mới gắn với vùng nguyên liệu và lợi thế của các địa phương trong tỉnh.

5- Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong quá trình sản xuất

Ưu tiên các dự án đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiều nguyên liệu, linh kiện, phụ kiện sản xuất trong nước. Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường. Tăng cường công tác thẩm định công nghệ trong quá trình cấp phép đầu tư để lựa chọn công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường; hạn chế, tiến tới loại bỏ các công nghệ lạc hậu; chú trọng công tác an toàn, phòng, chống cháy nổ, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

6- Huy động và sử dụng hợp lý nguồn lực cho phát triển công nghiệp

Thực hiện nhất quán chính sách thu hút đầu tư, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, chú trọng nguồn vốn xã hội hoá từ các nhà đầu tư có năng lực thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, đầu tư sản xuất công nghiệp theo quy hoạch, định hướng của tỉnh.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng thiết yếu, xây dựng quy hoạch, kế hoạch; xây dựng cơ chế chính sách, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ khuyến công, xúc tiến thương mại; xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường...

Hàng năm bố trí ngân sách để thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng ưu đãi theo tiến độ dự án. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có kỹ thuật cao phục vụ cho phát triển sản xuất công nghiệp.

7- Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Nâng cao chất lượng dự báo, chủ động ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung, xử lý chất thải rắn tại các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện di dời theo lộ trình các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch. Hoàn thành di dời cụm công nghiệp Đầm Hồng ra khỏi khu vực trung tâm thành phố Yên Bái.

Hạn chế cấp quyết định chủ trương đầu tư các dự án công nghiệp nằm ngoài khu, cụm công nghiệp đã quy hoạch để đảm bảo công tác xử lý, chất thải, nước thải, bảo vệ môi trường. Đối với các địa bàn có khoảng cách xa các khu, cụm công nghiệp thì định hướng quy hoạch các điểm công nghiệp tập trung gần với vùng nguyên liệu. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về sản xuất sạch trong công nghiệp, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng các biện pháp sản xuất sạch, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong sản xuất công nghiệp; chú trọng công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất chế biến thực phẩm tại các cơ sở chế biến tập trung.

Tăng cường công tác thanh tra việc lập và chấp hành các yêu cầu theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kiểm soát ô nhiễm, nhất là việc xả chất thải ra ngoài môi trường của các cơ sở sản xuất công nghiệp; chỉ cho phép hoạt động đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có đầy đủ thủ tục hồ sơ, thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy, chính quyền tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết này và các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết phù hợp với đặc điểm, tình hình của ngành, địa phương, đơn vị.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch về phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường và bố trí ngân sách để thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các sở, ban, ngành, các địa phương xây dựng các chương trình, đề án, dự án và kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, trong đó xác định rõ các nội dung cần tập trung triển khai thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan gắn với lộ trình thực hiện các mục tiêu; định kỳ đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để kịp thời đề xuất bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong toàn Đảng bộ tỉnh.

4- Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết; trọng tâm là công tác phối hợp phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện.

5- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng các Ban Đảng Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Công Thương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Đỗ Đức Duy